TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 428/2019/DS-PT
Ngày 20 - 9- 2019
V/v tranh chấp "Yêu cầu chia tài sản chung do thời hiệu chia thừa kế đã hết''.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 376/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 về "Yêu cầu chia tài sản chung do thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đã hết"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1998/2019/QĐ- PT ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thiên H, sinh năm: 1965 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận

(theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018) (Bút lục 57) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Số 51/9 đường T1, phường T2, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị T3– sinh năm 1954; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1600 W, Hoa Kỳ.

3.2 Bà Nguyễn Thị S– sinh năm 1956; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.3 Bà L1 Thị Nguyễn (Nguyễn Thị M), sinh năm 1958; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 6373, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M: Bà Huỳnh Thị Minh P2, sinh năm 1971. Theo các văn bản ủy quyền ngày 07/02/2018, 16/3/2018, 22/3/2018 (Bút lục 119, 126, 128). Xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 51/9 đường T1, phường T2, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

3.4 Ông Nguyễn Văn S1– sinh năm 1968; Có mặt.

Địa chỉ: Số 294 đường N1, phường T4, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận.

3.5 Chị Nguyễn Thị Thùy T5– sinh năm 1987; Vắng mặt.

3.6 Anh Nguyễn Duy T6– sinh năm 1988; Vắng mặt.

3.7 Anh Nguyễn Duy T7– sinh năm 1991; Vắng mặt.

3.8 Chị Nguyễn Hoàng D– sinh năm 1993; Vắng mặt.

3.9 Chị Nguyễn Thị Anh T8– sinh năm 1996. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của chị Nguyễn Thị Thùy T5, anh Nguyễn Duy T6, anh Nguyễn Duy T7, chị Nguyễn Hoàng D, chị Nguyễn Thị Anh T8: Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1961. Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận. Theo các văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018 và 17/4/2018 (Bút lục 51, 54). Có mặt.

4. *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn S1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2017 và bản trình bày ý kiến ngày 17/4/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên H trình bày:

Cha mẹ chồng bà là cụ Nguyễn H1, sinh năm 1929, chết năm 1969 và cụ Nguyễn Thị T9 sinh năm 1932, chết năm 2012. Cha mẹ chồng bà S được 07 người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1953;

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1956;

3. Bà Nguyễn Thị L1(Nguyễn Thị M), sinh năm: 1958;

4. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1968;

5. Ông Nguyễn Văn T10, sinh năm 1961;

Ông T10 kết hôn với bà S được 05 người con chung gồm: Nguyễn Thị Thùy T5, sinh năm: 1987; Nguyễn Duy T6, sinh năm: 1988; Nguyễn Duy T7, sinh năm: 1991; Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1993; Nguyễn Thị Anh T8, sinh ngày 1996. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông T10 không có con riêng và không nhận ai làm con nuôi cũng không có cha mẹ nuôi. Ông T10 chết ngày 14/02/1998 không để lại di chúc. Trước khi chết ông T10 không thiếu nợ ai, không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước và cũng không cho ai vay nợ.

6. Ông Nguyễn Văn N2 sinh năm 1963 chết năm 1990, không có vợ con;

7. Ông Nguyễn C, sinh năm 1970.

Cha mẹ chồng bà không có con riêng và không nhận ai làm con nuôi cũng không có cha mẹ nuôi. Khi còn sống không thiếu nợ ai, không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước cũng không cho ai vay mượn gì. Cha mẹ chồng chết không để lại di chúc. Di sản cha mẹ chồng chết để lại 444,2 m^2 đất do cha mẹ mua của bà Nguyễn Thị N3 ngày 02/6/1963 hiện tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1 (viết tắt Tp PR-TC), tỉnh Ninh Thuận. Trên diện tích đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng 149,92 m^2 tiền để xây căn nhà này là do chị chồng tên Nguyễn Thị T3 và em gái chồng tên L1 Thi Nguyen (Nguyễn Thị M) định cư tại Hoa Kỳ gửi tiền về xây nhà cho mẹ chồng bà ở. Khi cha chồng bà chết chi phí mai táng do ai bỏ ra thì bà không biết. Năm 2016 bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản do cha mẹ chồng bà chết để lại. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2016/DSST ngày 14/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S. Đối với ½ diện tích đất phần của cha chồng bà là Nguyễn H1 chết để lại bị đình chỉ vì thời hiệu chia thừa kế đã hết. Bản án sơ thẩm bị kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm. Bản án dân sự phúc thẩm số 155/2017/DSPT ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành án. Đối với ½ diện tích đất là di sản của cha chồng bà là cụ Nguyễn H1 chết để lại hiện em chồng là ông Nguyễn C đang quản lý. Bà yêu cầu Tòa án chia phần di sản này cho các thừa kế của cụ Nguyễn H1 vì khi cụ H1chết không để lại di chúc. Bà đồng ý phần di sản là ½ diện tích 444,2 m^2 đất hiện tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1 có giá là 1.000.000.000 đồng và xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền. Tại Biên bản định giá ngày 06/6/2018 và Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý ½ diện tích 444,2 m^2 trị giá 1.104.626.485 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Ông đồng ý với toàn bộ lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thiên H và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Chi phí đo đạc, định giá tài sản bà H tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn C tại bản trình bày ý kiến ngày 22/3/2018 trình bày: Về cha mẹ anh chị em ông thống nhất như nội dung nguyên đơn đã trình bày. Hiện nay ông đang quản lý ½ diện tích đất tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1 ông xác nhận đây là phần di sản của cha ông là cụ Nguyễn H1 chết để lại chưa chia. Nay bà Nguyễn Thị Thiên H yêu cầu chia phần di sản này ông đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Nguyện vọng của ông xin được nhận kỷ phần bằng hiện vật để làm nhà từ đường và đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác. Vì khi cha ông chết không để lại di chúc. Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của các chị ông là các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3 cũng đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các bà S, M, T3 xin nhận bằng hiện vật.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của bị đơn là bà Huỳnh Thị Minh P2 trình bày: Bà đồng ý với toàn bộ lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn C và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thiên H. Do giá của Hội đồng định giá định giá 127.768.000 đồng là quá thấp nên bà đồng ý với giá bà H đưa ra là 1.104.626.485 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3 tại các Bản trình bày ý kiến ngày 07/02/2018, 20/02/2018, 22/3/2018: Về cha mẹ và các anh chị em và di sản của cha các bà chết để lại, các bà thống nhất với nội dung bà Nguyễn Thị Thiên H đã trình bày. Các bà đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với phần các bà được hưởng các bà xin được nhận bằng hiện vật và tự nguyện tặng cho toàn bộ kỷ phần cho ông Nguyễn C được quyền sở hữu (Bút lục 70, 72 - 73, 113).

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3 có bà Huỳnh Thị Minh P2 trình bày: Bà đồng ý với toàn bộ lời trình bày của các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T3 và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thiên H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S1 trình bày tại bản trình bày ý kiến ngày 12/3/2018, biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2018, biên bản hòa giải ngày 14/6/2018: Cha mẹ ông tên Nguyễn H1, sinh năm 1929, chết năm 1969; Nguyễn Thị T9 sinh năm 1932, chết năm 2012. Cha mẹ ông sinh được 07 người con chung gồm: Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị L1(Nguyễn Thị M), Nguyễn Văn T10 (đã chết có vợ và 05 con), Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn N3(chết không có vợ con) và Nguyễn C. Đối với phần di sản là ½ diện tích 444,2 m^2 đất hiện tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1 của cha ông chết để lại ông không đồng ý chia vì cha ông chết năm

1969 đến nay là trên 30 năm, theo Điều 633 Bộ luật dân sự 2015 đã hết thời hiệu khởi kiện Chia thừa kế. Khi cha ông chết không để lại di chúc. Ông đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án vì bà Nguyễn Thị Thiên H không có quyền khởi kiện và đã hết thời hiệu khởi kiện. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia tài sản chung ông cũng không có ý kiến gì tùy Tòa giải quyết. Ông không đồng ý trị giá ½ diện tích 444,2 m^2 có giá 1.000.000.000 đồng và ông không đưa ra được giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương. Nếu Tòa án chia tài sản chung thì ông yêu cầu được nhận kỷ phần bằng hiện vật (Bút lục 141, 142).

Tại bản trình bày nộp cho Tòa án ngày 26/6/2018 ông đề nghị Tòa án áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ việc giải quyết vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện. Nếu Tòa án chia tài sản chung ông yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, ông không đồng ý trị giá ½ diện tích 444,2 m^2 là 1.104.626.485 đồng nhưng không đưa ra được giá chuyển nhượng thực tế (Bút lục 211).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bản trình bày ý kiến ngày 17/4/2018 Nguyễn Thị Thùy T5, Nguyễn Duy T6, Nguyễn Duy T7, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thị Anh T8(*Bút lục *58,59) thống nhất trình bày:*

Các anh, chị đã ủy quyền cho mẹ các anh, chị là bà Nguyễn Thị Thiên H tham gia tố tụng trong vụ án, các anh, chị đồng ý với tất cả các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các anh, chị xác định ½ diện tích 444,2 m^2, tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1 là di sản do ông nội các anh, chị chết để lại. Cha các anh, chị tên Nguyễn Văn T10 chết ngày 14/02/1998 không để lại di chúc các anh, chị được hưởng thừa kế phần di sản mà cha các anh, chị khi còn sống được hưởng của ông nội chết để lại. Phần các anh, chị được hưởng các anh, chị đồng ý nhận bằng tiền và tự nguyện tặng cho mẹ là bà Nguyễn Thị Thiên H được quyền sở hữu.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy T5, Nguyễn Duy T6, Nguyễn Duy T7, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thị Anh T8 là ông Nguyễn Văn K tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Ông đồng ý với toàn bộ lời trình bày của các anh chị Nguyễn Thị Thùy T5, Nguyễn Duy T6, Nguyễn Duy T7, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thị Anh T8 con bà Nguyễn Thị Thiên H. Đề nghị Tòa án công nhận sự tự nguyện tặng cho bà H kỷ phần thừa kế mà những người này được nhận từ ông Nguyễn Văn T10.

Bản án dân sự sơ thẩm 07/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên H.

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T3, bà L1 Thị Nguyễn (Nguyễn Thị M) với ông Nguyễn C. Ông Nguyễn C được quyền sở hữu phần thừa kế bà T3, bà M, bà S được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn H1 tặng cho là: 552.313.242 đồng *(Năm trăm năm mươi hai*

triệu ba trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng)(cách tính: 184.104.414 đồng x 3).

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa chị Nguyễn Thị Thùy T5, anh Nguyễn Duy T6, anh Nguyễn Duy T7, chị Nguyễn Hòang D, chị Nguyễn Thị Anh T8 với bà Nguyễn Thị Thiên H. Bà Nguyễn Thị Thiên H được quyền sở hữu phần tài sản do chị T5, anh T6, anh T7, chị D, chị T8 được hưởng thừa kế từ ông Nguyễn Văn T10 được hưởng từ cụ Nguyễn H1 tặng cho bà H.

Giao cho ông Nguyễn C được quyền sử dụng ½ diện tích của 444,2m^2 đất là 222,1 m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở và 172,1 m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2 – (2) tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, Thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận. Hiện diện tích đất này ông C đang quản lý sử dụng có vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp đất nhà bà Thái Thị C1;

Phía Tây giáp đất nhà ông Lê Đình Đ;

Phía Nam giáp đường Tô Hiệu;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Hoàng (nay là nhà ông Nguyễn Hữu H2);

Ông Nguyễn C phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thiên H số tiền 184.104.414 đồng (*Một trăm tám mươi tư triệu một trăm linh bốn ngàn bốn trăm mười bốn đồng*).

Ông Nguyễn C phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn S1 184.104.414 đồng (*Một trăm tám mươi tư triệu một trăm linh bốn ngàn bốn trăm mười bốn đồng*).

Ông Nguyễn C liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/7/2018 và ngày 20/7/2018, ông Nguyễn Văn S1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân ngày 11/9/2019 xác định 222,1m^2 đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ địa chính số 2 – (2) tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 01, phường T4, thành phố P1 (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH 01356 do UBND thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 08 tháng 10 năm 2012)

Quyền sử dụng đất 222,1m^2	2.683.663.173 đồng.
50% tiền thuế còn nợ	156.611.000 đồng.
Tổng giá trị bất động sản	2.527.052.173 đồng.
Giá trị bất động sản làm tròn	2.527.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T3, bà L1 Thị Nguyễn (Nguyễn Thị M) với ông Nguyễn C. Ông Nguyễn C được quyền sở hữu phần thừa kế bà T3, bà M, bà S được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn H1 tặng cho là: 1.263.526.086 đồng (cách tính: 421.175.632 đồng x *3*).

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa chị Nguyễn Thị Thùy T5, anh Nguyễn Duy T6, anh Nguyễn Duy T7, chị Nguyễn Hòang D, chị Nguyễn Thị Anh T8 với bà Nguyễn Thị Thiên H. Bà Nguyễn Thị Thiên H được quyền sở hữu phần tài sản do chị T5, anh T6, anh T7, chị D, chị T8 được hưởng thừa kế từ ông Nguyễn Văn T10 được hưởng từ cụ Nguyễn H1 tặng cho bà H.

Giao cho ông Nguyễn C được quyền sử dụng ½ diện tích của 444,2m^2 đất là 222,1 m^2 thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2 – (2) tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận. Hiện diện tích đất này ông C đang quản lý sử dụng có vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp đất nhà bà Thái Thị C1;

Phía Tây giáp đất nhà ông Lê Đình Đ;

Phía Nam giáp đường Tô Hiệu;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Hoàng (nay là nhà ông Nguyễn Hữu H2);

Ông Nguyễn C phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyễn Văn S1, mỗi người số tiền 421.166.667 đồng .

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngay sau khi thi hành án xong, ông Nguyễn C liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*"

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thiên H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 20.846.667 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013868 ngày 01/02/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà H có trách nhiệm nộp tiếp là 10.846.667 đồng.

Ông Nguyễn C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần được nhận thừa kế và phần được tặng cho là 62.540.783 đồng.

Ông Nguyễn Văn S1phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 20.846.667 đồng;

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S1 phải chịu số tiền 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Nguyễn Văn S1(do bà Đặng Thị Thu L2 nộp thay) đã tạm nộp án phí theo Biên lai thu tiền số 0013884 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Về chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm: 22.000.000 đồng ông S1 đã nộp đủ. Bà H có trách nhiệm trả cho ông S1 số tiền chi phí thẩm định là 3.667.000 đồng, ông C có trách nhiệm trả cho ông S1 số tiền chi phí thẩm định là 11.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T3, bà L1 Thị Nguyễn (Nguyễn Thị M) với ông Nguyễn C. Ông Nguyễn C được quyền sở hữu phần thừa kế bà T3, bà M, bà S được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn H1 tặng cho là: 1.263.526.086 đồng (cách tính: 421.175.632 đồng x *3*).

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa chị Nguyễn Thị Thùy T5, anh Nguyễn Duy T6, anh Nguyễn Duy T7, chị Nguyễn Hòang D, chị Nguyễn Thị Anh T8với bà Nguyễn Thị Thiên H. Bà Nguyễn Thị Thiên H được quyền sở hữu phần tài sản do chị T5, anh T6, anh T7, chị D, chị T8 được hưởng thừa kế từ ông Nguyễn Văn T10 được hưởng từ cụ Nguyễn H1 tặng cho bà H.

Giao cho ông Nguyễn C được quyền sử dụng ½ diện tích của 444,2m^2 đất là 222,1 m^2 thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2 – (2) tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận. Hiện diện tích đất này ông C đang quản lý sử dụng có vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp đất nhà bà Thái Thị C1;

Phía Tây giáp đất nhà ông Lê Đình Đ;

Phía Nam giáp đường Tô Hiệu;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Hoàng (nay là nhà ông Nguyễn Hữu H2);

Ông Nguyễn C phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyễn Văn S1, mỗi người số tiền 421.166.667 đồng .

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngay sau khi thi hành án xong, ông Nguyễn C liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*"

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thiên H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 20.846.667 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013868 ngày 01/02/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà H có trách nhiệm nộp tiếp là 10.846.667 đồng.

Ông Nguyễn C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần được nhận thừa kế và phần được tặng cho là 62.540.783 đồng.

Ông Nguyễn Văn S1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 20.846.667 đồng;

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S1 phải chịu số tiền 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Nguyễn Văn S1(do bà Đặng Thị Thu L2 nộp thay) đã tạm nộp án phí theo Biên lai thu tiền số 0013884 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Về chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm: 22.000.000 đồng ông S1đã nộp đủ. Bà H có trách nhiệm trả cho ông S1 số tiền chi phí thẩm định là 3.667.000 đồng, ông C có trách nhiệm trả cho ông S1 số tiền chi phí thẩm định là 11.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T3, bà L1 Thị Nguyễn (Nguyễn Thị M) với ông Nguyễn C. Ông Nguyễn C được quyền sở hữu phần thừa kế bà T3, bà M, bà S được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn H1 tặng cho là: 1.263.526.086 đồng (cách tính: 421.175.632 đồng x *3*).

Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản giữa chị Nguyễn Thị Thùy T5, anh Nguyễn Duy T6, anh Nguyễn Duy T7, chị Nguyễn Hòang D, chị Nguyễn Thị Anh T8 với bà Nguyễn Thị Thiên H. Bà Nguyễn Thị Thiên H được quyền sở hữu phần tài sản do chị T5, anh T6, anh T7, chị D, chị T8 được hưởng thừa kế từ ông Nguyễn Văn T10 được hưởng từ cụ Nguyễn H1 tặng cho bà H.

Giao cho ông Nguyễn C được quyền sử dụng ½ diện tích của 444,2m^2 đất là 222,1 m^2 thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2 – (2) tọa lạc tại số 53 Tô Hiệu, khu phố 2, phường T4, thành phố P1, tỉnh Ninh Thuận. Hiện diện tích đất này ông C đang quản lý sử dụng có vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp đất nhà bà Thái Thị C1;

Phía Tây giáp đất nhà ông Lê Đình Đ;

Phía Nam giáp đường Tô Hiệu;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Hoàng (nay là nhà ông Nguyễn Hữu H2);

Ông Nguyễn C phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thiên H và ông Nguyễn Văn S1, mỗi người số tiền 421.166.667 đồng .

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngay sau khi thi hành án xong, ông Nguyễn C liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*"

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thiên H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 20.846.667 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013868 ngày 01/02/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận. Bà H có trách nhiệm nộp tiếp là 10.846.667 đồng.

Ông Nguyễn C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần được nhận thừa kế và phần được tặng cho là 62.540.783 đồng.

Ông Nguyễn Văn S1phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 20.846.667 đồng;

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S1phải chịu số tiền 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Nguyễn Văn S1(do bà Đặng Thị Thu L2 nộp thay) đã tạm nộp án phí theo Biên lai thu tiền số 0013884 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Về chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm: 22.000.000 đồng ông S1 đã nộp đủ. Bà H có trách nhiệm trả cho ông S1 số tiền chi phí thẩm định là 3.667.000 đồng, ông C có trách nhiệm trả cho ông S1 số tiền chi phí thẩm định là 11.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Ninh Thuận(1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận(1);
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận(1);
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận(1);
- Đương sự(7);
- Lưu VP(3), HS(1), 18b (Thúy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương